

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2025/DS-ST.

Ngày: 25-3-2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Minh Lý.

2/ Ông Thái Bình Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A, đường Huỳnh Văn L, khu B, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần - Tổng công ty B; địa chỉ: Số C, đường Ngô Văn T, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Minh T - chức vụ: Cán bộ pháp lý của Công ty Cổ phần - Tổng công ty B; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 194/UQ-TCTBWE ngày 05/3/2025). Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Công ty TNHH MTV Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B; địa chỉ: Số D, đường Lý Thái T, Khu E, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B: Ông Nguyễn Đức T- chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật và là người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Hoàng S. (Theo văn bản ủy quyền số 243/UQ/PTS ngày 24/3/2025) Có mặt

3.2 Công ty TNHH Phát triển Q ; địa chỉ trụ sở: Số F, Mai Chí T, phường An K, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số G, Nguyễn D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Phát triển Q : Ông Trần Ngọc Đ - chức vụ: Tổng Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/3/2018, ông Nguyễn Văn H có cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị mượn số tiền là 1.000.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán, để xí nghiệp hoạt động và khi xí nghiệp thu được tiền từ khách hàng sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông H. Sau đó, số tiền 1.000.000.000 đồng này đã được chuyển về cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B và được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 - khoản nợ phải trả ngắn hạn. Thời điểm này, ông H là Giám đốc của Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị, là công ty con thuộc Công ty Cổ phần - Tổng công ty B. Tuy nhiên, đến nay đã hơn năm năm và ông H đã nghỉ việc tại công ty, nhưng ông H vẫn chưa được hoàn trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng đã cho xí nghiệp mượn.

Ông H xác định ông có ký tên trên giấy tạm ứng tiền đề ngày 29/3/2018, nhưng thực tế giấy tạm ứng được lập vào thời điểm năm 2021, mục đích nhằm bổ sung hồ sơ cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị. Nội dung giấy tạm ứng tiền đề ngày 29/3/2018 như sau:

“Tôi tên là Nguyễn Văn H - Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị.

Vào ngày 29/3/2018 tôi có cho XN Dịch vụ Đô thị mượn một số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng)

Lý do:

Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị có ký hợp đồng cung cấp và trồng cây cho Công ty cổ phần Phát triển Q, hạng mục thi công cảnh quan Công trình The Water Bay - Quận 2. Nhưng đến nay vẫn chưa quyết toán xong công trình và thanh toán dứt điểm cho xí nghiệp.

Vì vậy, nay tôi xin tạm ứng trước số tiền để trả cho xí nghiệp

Khi nào Công ty CP Phát triển Q thanh toán cho xí nghiệp, xí nghiệp sẽ hoàn trả số tiền trên cho tôi”

Đồng thời, ông H được biết Công ty cổ phần Phát triển Q đã thanh toán cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B số tiền khoảng 400.000.000 đồng, nhưng công ty vẫn không thanh toán tiền nợ cho ông H.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần - Tổng công ty B phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện (ngày 22/3/2024) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 25/3/2025) là 01 năm x 1.000.000.000 đồng x 10%/năm = 100.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 1.100.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, bị đơn Công ty Cổ phần - Tổng công ty B là bị đơn trình bày:

Ngày 11/6/2008, Công ty cấp thoát nước Môi trường Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần - Tổng công ty B) có bổ nhiệm ông Nguyễn Văn H giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh dịch vụ đô thị, theo Quyết định số 686/QĐ-CTNMT. Đến năm 2016, Công ty ban hành bổ sung Quyết định bổ nhiệm lại do công ty cổ phần hóa, bằng Quyết định số 1251/QĐ-CPN.MT, quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Văn H tiếp tục là Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị từ ngày 01/01/2016.

Quá trình thời gian được bổ nhiệm từ năm 2008 đến năm 2018, ông H có vay vốn lưu động của công ty, với mục đích phục vụ cho hoạt động của Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị. Tuy nhiên, đến thời điểm ông H nghỉ việc vẫn còn tồn đọng các khoản nợ phải thu, phải trả và các khoản vay vốn lưu động theo biên bản làm việc 3 lần:

- Lần 1 vào ngày 26/02/2018:

+ Vay vốn lưu động của công ty để hoạt động 4.963.200.000 đồng.

+ Nợ phải thu của khách hàng 6.122.666.607 đồng.

- Lần 2 vào ngày 02/5/2018:

+ Vay vốn lưu động của công ty để hoạt động 3.840.440.000 đồng.

+ Nợ phải thu của khách hàng 6.122.666.607 đồng.

- Lần 3 vào ngày 28/6/2018:

+ Vay vốn lưu động của công ty để hoạt động 3.806.440.000 đồng.

+ Nợ phải thu của khách hàng 5.997.814.795 đồng.

Công ty có yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả tiền vay vốn lưu động mà trước đây ông H đã vay tiền công ty để đem về hoạt động của Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị. Trong thời gian này, ông H có đi vay số tiền 1.000.000.000 đồng về cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị để thanh toán một phần nợ cho công ty.

Căn cứ vào giấy tạm ứng ngày 29/3/2018 của ông H tạm ứng cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị, thuộc Công ty Cổ phần - Tổng công ty B số tiền 1.000.000.000 đồng, lý do để thực hiện hợp đồng với Công ty cổ phần Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21, hạng mục thi công cảnh quan Công trình The Water Bay - Quận 2. Nhưng đến nay vẫn chưa quyết toán xong công trình và chưa thanh toán dứt điểm công nợ.

Về thời điểm Công ty thanh toán lại số tiền tạm ứng cho ông H được nêu trong giấy tạm ứng là khi Công ty cổ phần Phát triển Q thanh toán cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị thì Công ty Cổ phần - Tổng công ty B sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông H. Tuy nhiên, đến nay Công ty cổ phần Phát triển Q vẫn chưa thanh toán dứt điểm cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B. Do đó, Công ty Cổ phần - Tổng công ty B chưa thể trả khoản tiền ông H tạm ứng theo đơn khởi kiện.

Số tiền khoảng 400.000.000 đồng Công ty cổ phần Phát triển Q đã thanh toán là trong thời gian ông H còn làm việc tại công ty. Thời điểm này, ông H không yêu cầu thanh toán tiền tạm ứng của ông nên những khoản tiền công nợ xí nghiệp thu được sẽ nộp về thanh toán cho công ty. Còn từ khi ông H nghỉ việc thì Công ty cổ phần Phát triển Q không thanh toán thêm cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B khoản tiền nào nữa.

Đồng thời, theo quyết định của Tòa án về việc Công ty Cổ phần - Tổng công ty B phải thanh toán cho Công ty TNHH Cảnh quan đô thị Bình Dương số tiền 723.364.989 đồng và tiền án phí phải nộp 56.390.096 đồng, tổng cộng là 779.755.085 đồng. Ngày 10/6/2021, ông H có văn bản đề nghị Công ty Cổ phần - Tổng công ty B chuyển trả số tiền 779.755.085 đồng để thanh toán án phí và thanh toán cho Công ty TNHH Cảnh quan đô thị Bình Dương. Số tiền trên sẽ được trừ vào số tiền 1.000.000.000 đồng mà trước đây ông H đã chuyển tạm ứng cho công ty. Sau khi lấy được tiền quyết toán từ Dự án The Water Bay của Công ty cổ phần Phát triển Q sẽ trừ hoàn lại số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B trình bày:

Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị nay là Công ty TNHH MTV Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B thành lập từ ngày 01/7/2024. Ngày 27/9/2016, ông H với tư cách Giám đốc của Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị có vay của Công ty Cổ phần - Tổng công ty B số tiền 1.000.000.000 đồng, để Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị thi công công trình cảnh quan Công trình The Water Bay - Quận 2 của Công ty cổ phần Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21.

Sau đó, để thanh toán lại cho công ty đúng theo thỏa thuận, ông Nguyễn Văn H có chuyển khoản cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị mượn số tiền là 1.000.000.000 đồng, theo phiếu thu ngày 29/3/2018, để trả tiền Công ty Cổ phần - Tổng công ty B. Hai bên có thống nhất về thời hạn trả số tiền nêu trên là khi nào Công ty cổ phần Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 thanh toán cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị, Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông H. Nội dung thỏa thuận đã được ghi nhận giấy tạm ứng tiền đề ngày 29/3/2018 của Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị. Ông H có ký tên trên giấy tạm ứng tiền đề ngày 29/3/2018.

Về hạng mục thi công cảnh quan Công trình The Water Bay - Quận 2 của Công ty cổ phần Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 ký nghiệm thu hoàn thành vào ngày 13/12/2017. Việc chốt công nợ giữa Công ty cổ phần Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 và Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị thực hiện năm 2018. Hàng năm, hai bên đều có đối chiếu công nợ. Bảng đối chiếu công nợ gần nhất là ngày 29/01/2024, số tiền công nợ là 1.217.275.428 đồng. Do hiện nay Công ty cổ phần Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 vẫn chưa thanh toán số tiền công nợ 1.217.275.428 đồng cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B nên công ty chưa trả số tiền 1.000.000.000 đồng ông H cho mượn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Phát triển Q đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, Công ty TNHH Phát triển Q không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không có đơn yêu cầu độc lập và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ các ý kiến và yêu cầu đã trình bày. Công ty TNHH MTV Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B xác định công ty là một pháp nhân mới, không liên quan đến Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị nên không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và Công ty Cổ phần - Tổng công ty B.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Phát triển Q chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tổ tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn Công ty Cổ phần - Tổng công ty B về việc thanh toán số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với yêu cầu Công ty Cổ phần - Tổng công ty B trả tiền lãi là 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần - Tổng công ty B phải thanh toán số tiền cho mượn là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/3/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty Cổ phần - Tổng công ty B có địa chỉ trụ sở tại phường Phú Lợi, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Công ty TNHH Phát triển Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng Công ty TNHH Phát triển Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH Phát triển Q theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ngày 29/3/2018, ông Nguyễn Văn H có cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị (trực thuộc Công ty Cổ phần - Tổng công ty B) mượn số tiền là 1.000.000.000 đồng, để trả cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B. Các bên đã lập giấy tạm ứng tiền đề ngày 29/3/2018, có chữ ký và chữ viết họ tên của ông Nguyễn Văn H. Việc giao nhận số tiền cho mượn được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản, theo Ủy nhiệm chi số 0095 ngày 29/3/2018. Về phía Công ty Cổ phần - Tổng công ty B xác nhận đã nhận đủ số tiền 1.000.000.000 đồng từ Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị. Sự thừa nhận và thống nhất của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về số tiền gốc:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình để khởi kiện đối với bị đơn là Ủy nhiệm chi số 0095 ngày 29/3/2018 và Phiếu thu (tiền ngân hàng) ngày 29/3/2018.

[3.2] Đối với bị đơn xác định các bên có lập giấy tạm ứng tiền đề ngày 29/3/2018 thống nhất về thời hạn trả số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H là khi

Công ty cổ phần Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 (nay là Công ty TNHH Phát triển Q) thanh toán cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị thì Công ty Cổ phần - Tổng công ty B sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông H. Nhưng cho đến nay, Công ty TNHH Phát triển Q vẫn chưa thanh toán hết khoản công nợ cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B nên Công ty Cổ phần - Tổng công ty B chưa hoàn trả khoản tiền mà ông H đã tạm ứng theo đơn yêu cầu của ông H.

[3.3] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Văn H là Giám đốc của Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị, trực thuộc Công ty Cổ phần - Tổng công ty B. Quá trình làm việc, ngày 29/3/2018, ông H có cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị mượn số tiền là 1.000.000.000 đồng, để trả cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B. Việc này thể hiện tại Ủy nhiệm chi số 0095 ngày 29/3/2018 và Phiếu thu (tiền ngân hàng) ngày 29/3/2018. Phần nội dung của Ủy nhiệm chi số 0095 ngày 29/3/2018, ghi nhận cho xí nghiệp mượn tiền trả công ty. Đồng thời, tại Phiếu thu (tiền ngân hàng) ngày 29/3/2018 thể hiện nội dung thu tiền ông Nguyễn Văn H cho xí nghiệp mượn tiền.

Về nguyên nhân của việc ông H cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị mượn tiền là do Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị có ký hợp đồng cung cấp và trồng cây cho Công ty cổ phần Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 (nay là Công ty TNHH Phát triển Q), hạng mục thi công cảnh quan Công trình The Water Bay - Quận 2, cho đến nay vẫn chưa quyết toán xong công trình và thanh toán dứt điểm cho xí nghiệp. Thời điểm này, ông H là Giám đốc của Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị, có trách nhiệm thu hồi công nợ về cho xí nghiệp nên ông H đã tạm ứng cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị mượn số tiền là 1.000.000.000 đồng để trả về cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B. Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông H khi Công ty cổ phần Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 (nay là Công ty TNHH Phát triển Q) thanh toán cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị.

Tuy nhiên, đến ngày 27/12/2019, ông H đã nghỉ việc tại công ty theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 1849/QĐ-CPN.MT. Nhưng số tiền 1.000.000.000 đồng ông H cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị mượn vẫn chưa được trả lại. Bị đơn cho rằng do Công ty cổ phần Phát triển Q (nay là Công ty TNHH Phát triển Q) chưa thanh toán dứt điểm tiền nợ cho bị đơn nên bị đơn chưa thanh toán lại cho ông H là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về vay tài sản, độc lập với mối quan hệ giữa bị đơn và Công ty cổ phần Phát triển Q (nay là Công ty TNHH Phát triển Q) là hợp đồng thi công công trình. Qua xem xét xác nhận (các) số dư do Công ty TNHH Phát triển Q gửi đến Công ty Cổ phần - Tổng công ty B đề nghị xác nhận thì số tiền tính đến ngày 31/12/2023 phải trả cho Công ty TNHH Phát triển Q là 197.828.865 đồng, số tiền phải thu của Công ty TNHH Phát triển Q là 1.217.275.428 đồng. Hai bên đã tiến hành đối chiếu xác nhận với nhau. Như vậy, việc đối chiếu, xác nhận công nợ và thu hồi công nợ đối với Công ty TNHH Phát triển Q thuộc về Công ty Cổ phần - Tổng công ty B, không thể nào ràng buộc quyền yêu cầu trả số tiền cho mượn của ông Nguyễn Văn H đối với quyền thu hồi nợ của công ty được. Trường hợp bị đơn cho rằng Công ty TNHH Phát triển Q không thanh toán tiền nợ cho bị đơn thì bị đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi các bên phát sinh tranh chấp.

Hơn nữa, sau khi ông H cho xí nghiệp mượn tiền, Công ty TNHH Phát triển Q cũng đã thanh toán Công ty Cổ phần - Tổng công ty B số tiền là 400.000.000 đồng.

Nhưng Công ty Cổ phần - Tổng công ty B lại không sử dụng số tiền nêu trên để thanh toán lại số tiền đã mượn cho ông H, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Do đó, việc ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần - Tổng công ty B phải hoàn trả lại số tiền đã mượn 1.000.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: Xét tại Ủy nhiệm chi số 0095 ngày 29/3/2018 và Giấy tạm ứng tiền ngày 29/3/2018 chỉ thể hiện nội dung số tiền cho mượn là 1.000.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận về lãi suất cho vay. Đồng thời, việc ông H cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị mượn tiền để trả cho Công ty Cổ phần - Tổng công ty B, là do tại thời điểm này ông H là Giám đốc của Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị, để thực hiện công trình của Công ty cổ phần Phát triển Q (nay là Công ty TNHH Phát triển Q) thì ông H đại diện cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị ký kết hợp đồng thỏa thuận cho mượn vốn với Công ty Cổ phần - Tổng công ty B. Sau đó, do công trình chưa được các bên nghiệm thu, đối chiếu công nợ với nhau nên Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị không thu được tiền công nợ. Từ đó, ông H đã đứng ra cho Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị mượn tiền trả về công ty, điều này xuất phát từ trách nhiệm của người đại diện xí nghiệp. Nay ông H cho rằng do bị đơn chậm thanh toán tiền mượn theo yêu cầu của ông H nên phải trả lãi với số tiền yêu cầu 100.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: $(1.000.000.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) \times 3\% + 36.000.000 \text{ đồng} = 42.000.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn Công ty Cổ phần - Tổng công ty B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Công ty Cổ phần - Tổng công ty B có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H đối với bị đơn Công ty Cổ phần - Tổng công ty B về yêu cầu trả lãi với số tiền lãi không được chấp nhận là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần - Tổng công ty B phải nộp số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung